

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/02/2019

V/v: "Ly hôn "

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Phạm Thanh Diễm

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 493/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị B, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: số A, tổ 1, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Lê Minh C, sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: tổ 1, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà B có mặt, ông C vắng mặt tại Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị B trình bày:

Bà B và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 1983, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1996 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến 2004 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 đến nay và đã thỏa thuận chia tài sản xong. Trước đây ông C đã nộp đơn xin ly hôn với bà B nhưng lúc đó bà B không đồng ý, sau đó ông C rút đơn khởi kiện và bỏ đi làm xa, bà B nhiều lần nộp đơn xin ly hôn với ông C nhưng do ông C bỏ đi không rõ địa chỉ nên bà rút đơn khởi kiện. Hiện tại tình cảm của vợ chồng không còn nên bà B yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà B xin ly hôn với ông Lê Minh C.
- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Lê Thị N, sinh ngày 16/10/1984, Lê Hữu P, sinh ngày 07/12/1986 và Lê Xuân L, sinh ngày 07/12/1986, hiện các con đã thành niên tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết về người nuôi con và cấp dưỡng.

-Về tài sản chung: không tranh chấp.

-Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà B và ông C nhưng ông C đều vắng mặt và cũng không gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào nên không có lời trình bày của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn ông Lê Minh C cư trú tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Ông C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Thị B và ông Lê Minh C chung sống từ năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2006, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho ông bà nhưng ông C vắng mặt và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn với bà B. Tại phiên tòa hôm nay bà B kiên quyết xin ly hôn với C. Hội đồng xét xử xét thấy bà B và ông C hiện tại không còn tình cảm với nhau, ông bà đã ly thân thời gian khá lâu, hôn nhân của bà B và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Lê Thị N, sinh ngày 16/10/1984, Lê Hữu P, sinh ngày 07/12/1986 và Lê Xuân L, sinh ngày 07/12/1986. Các con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà B khai không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà B là người khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị B, cụ thể:

[1] Về hôn nhân: Bà Trương Thị B được ly hôn với ông Lê Minh C.

[2] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Lê Thị N, sinh ngày 16/10/1984, Lê Hữu P, sinh ngày 07/12/1986 và Lê Xuân L, sinh ngày 07/12/1986, các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0021331 ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Trương Thị B đã nộp xong án phí.

[5] Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã C Hòa, huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan